

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018



CNT 215A0P2 1266-4001

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 40

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hải Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong kỳ và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
<u>Hội đồng quản trị</u>	
Ông Phùng Văn Quang	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Hùng	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Hà	Ủy viên
Ông Nguyễn Thế Quân	Ủy viên
Ông Phạm Tiến Tịnh	Ủy viên

Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Mỹ Hải	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên
Ông Triệu Đình Trung	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thế Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Ngọc Hùng	Phó Tổng Giám đốc

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là Ông Nguyễn Thế Hưng, chức danh Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính riêng; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN THẾ HÙNG – Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Hải Minh, được lập ngày 28 tháng 3 năm 2019, từ trang 6 đến trang 40 bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hải Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2019

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



VÕ THẾ HOÀNG - Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0484-2018-037-1

NGUYỄN ĐỨC TÂN - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2666-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	31/12/2017
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		88.750.662.201	66.497.070.275
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	36.597.028.945	30.036.771.057
1. Tiền	111		4.597.028.945	8.036.771.057
2. Các khoản tương đương tiền	112		32.000.000.000	22.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	21.192.551.866	10.918.946.736
1. Chứng khoán kinh doanh	121		10.788.962.576	9.529.406.637
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10.403.589.290	1.389.540.099
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30.323.117.607	24.574.420.263
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	9.809.076.136	13.179.913.270
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	21.894.441.471	11.986.106.993
3. Dự phòng phải thu khó đòi	137	V.5	(1.380.400.000)	(591.600.000)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	96.919.662	260.714.026
Hàng tồn kho	141		96.919.662	260.714.026
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		541.044.121	706.218.193
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	541.044.121	599.492.993
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	106.725.200
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		163.667.699.174	191.354.517.861
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.000.000	367.088.000
Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	5.000.000	367.088.000
II. Tài sản cố định	220		34.235.883.861	38.700.442.378
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	33.678.873.758	38.129.448.759
Nguyên giá	222		43.649.733.969	53.756.585.597
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.970.860.211)	(15.627.136.838)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	557.010.103	570.993.619
Nguyên giá	228		601.291.237	601.291.237
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(44.281.134)	(30.297.618)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		639.818.192	925.479.999
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	639.818.192	925.479.999
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	127.929.336.819	150.290.556.270
1. Đầu tư vào công ty con	251		122.145.320.000	122.145.320.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	25.245.219.451
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.784.016.819	2.900.016.819
VI. Tài sản dài hạn khác	260		857.660.302	1.070.951.214
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	857.660.302	1.070.951.214
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		252.418.361.375	257.851.588.136

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	31/12/2017
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		6.963.574.036	8.031.531.691
I. Nợ ngắn hạn	310		6.782.574.036	7.846.531.691
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	3.131.688.906	4.476.313.881
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	1.829.579.622	917.251.295
3. Phải trả người lao động	314		-	717.859.905
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	27.272.724	335.098.096
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	595.266.876	907.592.226
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	821.780.530	-
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	63.548.886
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	376.985.378	428.867.402
II. Nợ dài hạn	330		181.000.000	185.000.000
Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	181.000.000	185.000.000
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		245.454.787.339	249.820.056.445
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	245.454.787.339	249.820.056.445
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		131.998.470.000	131.998.470.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>131.998.470.000</i>	<i>131.998.470.000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.893.984.271	5.893.984.271
3. Cổ phiếu quỹ	415		(3.809.548.070)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.614.442.869	6.614.442.869
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		104.757.438.269	105.313.159.305
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>76.756.189.807</i>	<i>84.612.475.717</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>28.001.248.462</i>	<i>20.700.683.588</i>
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		252.418.361.375	257.851.588.136

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2019



NGUYỄN THẾ HUNG
Tổng Giám đốc


NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Kế toán trưởng


NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU B 02-DN


Đơn vị tính: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	34.789.843.056	38.969.546.762
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		34.789.843.056	38.969.546.762
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	32.258.460.882	32.194.660.937
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.531.382.174	6.774.885.825
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	43.022.410.641	20.469.422.667
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	12.567.674.064	1.519.565.699
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		499.124.683	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	4.735.232.694	4.504.806.867
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		28.250.886.057	21.219.935.926
11. Thu nhập khác	31		1.369.143.027	489.720.308
12. Chi phí khác	32		75.700.683	48.208.321
13. Lợi nhuận khác	40	VI.6	1.293.442.344	441.511.987
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		29.544.328.401	21.661.447.913
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	1.543.079.939	960.764.325
16. Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>28.001.248.462</u>	<u>20.700.683.588</u>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2019



NGUYỄN THẾ HUNG
Tổng Giám đốc


NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Kế toán trưởng


NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		29.544.328.401	21.661.447.913
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		4.307.676.432	4.780.083.849
- Các khoản dự phòng	03		788.800.000	591.600.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền	04		22.771.257	11.623.218
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(34.526.614.591)	(18.228.959.472)
- Chi phí lãi vay	06		499.124.683	-
3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		636.086.182	8.815.795.508
- Tăng các khoản phải thu	09		(5.422.916.458)	8.937.564.804
- (Tăng)/ giảm hàng tồn kho	10		163.794.364	142.494.542
- Tăng các khoản phải trả (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.632.042.428)	(3.084.323.545)
- Giảm chi phí trả trước	12		271.739.784	767.969.210
- Tăng chứng khoán kinh doanh	13		(1.259.555.939)	(9.529.406.637)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(499.124.683)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(800.000.000)	(1.132.623.680)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.449.451.194)	(1.799.122.560)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(11.991.470.372)	3.118.347.642
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.274.315.827)	(4.654.518.331)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn	22		3.306.363.636	272.727.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(9.014.049.191)	(106.845.655)
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.884.000.000)	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		25.245.219.451	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		33.291.342.988	18.694.284.740
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		47.670.561.057	14.205.648.027
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh	32		(3.809.548.070)	-
2. Tiền thu từ đi vay	33		125.426.487.803	-
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(124.604.707.273)	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(26.108.294.000)	(19.799.770.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(29.096.061.540)	(19.799.770.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		6.583.029.145	(2.475.774.831)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		30.036.771.057	32.524.169.106
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(22.771.257)	(11.623.218)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	36.597.028.945	30.036.771.057

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2019



NGUYỄN THẾ HÙNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hải Minh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 ngày 24 tháng 01 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 2 ngày 26 tháng 10 năm 2004, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính và bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 4 ngày 07 tháng 4 năm 2006, chuẩn y cho việc tăng vốn điều lệ từ 10.000.000.000 VND lên 20.000.000.000 VND và bổ sung ngành nghề kinh doanh (Bổ sung: Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy – đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán, cho thuê tàu và thiết bị hàng hải).
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 5 ngày 03 tháng 10 năm 2006, chuẩn y cho việc tăng vốn điều lệ từ 20.000.000.000 VND lên 50.000.000.000 VND và thay đổi người đại diện theo pháp luật từ Ông Bùi Duy Ước – Chức danh: Giám đốc sang Ông Nguyễn Thành Chương – Chức danh: Giám đốc.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 6 ngày 22 tháng 03 năm 2007, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 50.000.000.000 VND lên 100.000.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 7 ngày 10 tháng 9 năm 2007, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ số 18 A Ngô Văn Năm, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh sang số 57-59 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 9 ngày 14 tháng 4 năm 2008, chuẩn y việc bổ sung ngành nghề kinh doanh (Bổ sung: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành nông nghiệp).
- Giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 21 tháng 01 năm 2010, chuẩn y việc thay đổi mã số đăng ký doanh nghiệp từ số 4103000801 sang số 0302525162 và chuẩn y thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ số 57-59 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh sang Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, số 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 thay đổi lần thứ 11 ngày 17 tháng 01 năm 2012, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, số 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh sang số 01, đường Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh và thay đổi người đại diện theo pháp luật từ Ông Nguyễn Thành Chương – Chức danh: Giám đốc sang Ông Nguyễn Quốc Hùng - Chức danh: Tổng Giám đốc.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 thay đổi lần thứ 12 ngày 13 tháng 01 năm 2015, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty từ Ông

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Nguyễn Quốc Hùng - Chức danh: Tổng Giám đốc sang Ông Nguyễn Thế Hưng - Chức danh: Tổng Giám đốc.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 thay đổi lần thứ 13 ngày 20 tháng 5 năm 2016, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 100.000.000.000 VND lên 131.998.470.000 VND.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 đăng ký thay đổi lần thứ 14 chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ số 01, đường Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh sang tầng 17 – tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty đã được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán điều chỉnh lần 3 số 172/2010/GCNCP-VSD-3 ngày 15 tháng 1 năm 2016 với nội dung chấp nhận Công ty Cổ phần Hải Minh thay đổi số lượng cổ phiếu đang lưu hành từ 10.000.000 cổ phiếu lên 13.199.847 cổ phiếu liên quan đến việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 100.000.000.000 VND lên 131.998.470.000 VND.

- **Vốn điều lệ** : 131.998.470.000 VND
Số cổ phiếu : 13.199.847 cổ phiếu
Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu

• **Trụ sở hoạt động**

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tầng 17 – tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (028) 35128 668
- Fax : (028) 35128 688
- Mã số thuế : **0 3 0 2 5 2 5 1 6 2**

2. **Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh dịch vụ.

3. **Ngành, nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty hiện nay là sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông – đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy – đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành công nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, cấu trúc Công ty bao gồm Công ty mẹ và 3 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Chi tiết như sau:

Công ty con

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ phần vốn sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng	96,08%	96,08%	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng	100,00% (trong đó: 99,92% trực tiếp và 0,08% gián tiếp)	100,00%	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa
Công ty TNHH DV Hàng hải Hải Minh	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng	100,00% (trong đó: 99,00% trực tiếp và 1,00% gián tiếp)	100,00%	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa

6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 46 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 60 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 thuộc kỳ kế toán năm thứ 17 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán riêng nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh giao dịch theo nguyên tắc sau:

- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày Báo cáo tài chính riêng, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Đối với tài sản tiền tệ (tiền mặt và các khoản phải thu): Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm Báo cáo tài chính riêng. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản ký quỹ ngoại tệ ngân hàng, thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ hoặc ký quỹ ngoại tệ;
- Đối với các khoản phải trả tiền tệ (phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay): Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại ngày Báo cáo tài chính riêng.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ (sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm) được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày Báo cáo tài chính riêng.

6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản đầu tư vào công ty con, các khoản đầu tư vào công ty liên kết, góp vốn liên doanh và các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập bởi các bên góp vốn liên doanh có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động, là đơn vị có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập. Mỗi bên góp vốn liên doanh được hưởng một phần kết quả hoạt động của công ty liên doanh theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Mức trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính riêng của công ty con,

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

công ty liên doanh, liên kết. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính riêng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý, nhượng bán, thu hồi vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, căn cứ vào giá trị tài sản thu hồi được kế toán ghi giảm số vốn đã góp. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của khoản thu hồi được so với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo nguyên tắc giá gốc, bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận từ đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính riêng trong kỳ. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi khoản đầu tư bị tổn thất tại ngày Báo cáo tài chính riêng. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập chi tiết như sau:

- Đối với khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị chưa niêm yết, việc lập phòng dựa trên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định dựa trên các kỹ thuật định giá một cách đáng tin cậy;

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính riêng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

7. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng, phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản phải chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại, các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính riêng đối với các khoản nợ

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013” và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định”, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	43
Máy móc thiết bị	5
Phương tiện vận tải	5 - 15
Thiết bị văn phòng	5
Tài sản cố định khác	10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất

Giá trị quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ. Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí liên quan trực tiếp đến việc thực hiện các dự án đầu tư đồng sà lan, chi phí xây dựng cơ bản các công trình chưa hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính riêng.

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước chi phí sửa chữa, chi phí kiểm định, phí bảo hiểm, công cụ dụng cụ và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm các chi phí văn phòng, chi phí sửa chữa và chi phí khác đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 3 năm;

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, Công ty tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

13. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

14. Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính riêng. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

17. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Tiền mặt	530.421.810	438.384.229
Tiền gửi ngân hàng	4.066.607.135	6.373.359.372
Tiền đang chuyển	-	1.225.027.456
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>32.000.000.000</u>	<u>22.000.000.000</u>
Cộng	<u>36.597.028.945</u>	<u>30.036.771.057</u>

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,1% đến 6,0% /năm (năm 2017: 4,8% đến 5,1%/năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh

Chỉ tiêu	31/12/2018			31/12/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	-	-	-	1.521.150.650	1.521.150.650	-
Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	-	-	-	1.609.788.583	1.609.788.583	-
Tập đoàn Bảo Việt	-	-	-	1.531.528.699	1.531.528.699	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	540.810.000	540.810.000	-	4.866.938.705	4.866.938.705	-
Công ty Cổ phần hàng không VietJet	1.325.485.250	1.325.485.250	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình	563.343.750	563.343.750	-	-	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	1.023.533.000	1.023.533.000	-	-	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	874.810.250	874.810.250	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	1.106.657.500	1.106.657.500	-	-	-	-
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	921.380.000	921.380.000	-	-	-	-
Công ty cổ phần Chứng khoán MB	737.289.000	737.289.000	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh	639.994.326	639.994.326	-	-	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	544.315.250	544.315.250	-	-	-	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	1.211.815.000	1.211.815.000	-	-	-	-
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu Khí	1.299.529.250	1.299.529.250	-	-	-	-
Cộng	10.788.962.576	10.788.962.576	-	9.529.406.637	9.529.406.637	-

Giá trị hợp lý của các trái phiếu này là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng mua bán trái phiếu, là giá trị ghi sổ của trái phiếu tại ngày Báo cáo tài chính.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Chỉ tiêu	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	10.403.589.290	10.403.589.290	1.389.540.099	1.389.540.099
Cộng	10.403.589.290	10.403.589.290	1.389.540.099	1.389.540.099

(*) Tiền gửi có kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 6,2% đến 7%/năm (năm 2017: 6,5 đến 6,8%/năm).

3. Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2018	31/12/2017
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	-	2.700.616.803
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	-	327.103.606
Công ty TNHH DV Hàng hải Hải Minh	37.800.000	280.000.000
Công ty Cổ phần Hàng hải Hưng Phú	1.972.000.000	1.972.000.000
Samudera Shipping Line Ltd.	1.495.526.538	3.081.372.991
Công ty Cổ phần Tiếp vận Phước Tạo	-	1.006.990.000
Công ty CP SangChi	546.174.666	184.674.000
Công ty TNHH Triều Minh Quang	440.000.000	-
Công ty TNHH Vận Tải Hải Trường Thành	424.735.000	86.040.000
Chi nhánh Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam (VNB)	623.531.400	114.755.338
Khách hàng khác	4.269.308.532	3.426.360.532
Cộng	9.809.076.136	13.179.913.270

Trong đó số dư phải thu khách hàng là các bên liên quan là:

Công ty TNHH DV Hàng hải Hải Minh	37.800.000	280.000.000
Cộng	37.800.000	280.000.000

4. Phải thu khác

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a) Ngắn hạn	21.894.441.471	-	11.986.106.993	-
Lợi nhuận phải thu	1.329.321.900	-	10.549.882.292	-
+ Công ty TNHH TV Hải Minh	-	-	2.868.182.115	-
+ Công ty TNHH DV Hàng Hải Hải Minh	1.329.321.900	-	1.329.321.900	-
+ Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	-	-	6.352.378.277	-
Công ty CP Dịch Vụ Nhịp Cầu Địa Ốc	17.603.758.947	-	-	-
Phải thu ngắn hạn khác	2.357.924.404	-	691.443.844	-
Tạm ứng nhân viên	53.746.558	-	175.804.333	-
Lãi tiền gửi dự thu	539.689.662	-	187.976.524	-
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.000.000	-	381.000.000	-
b) Dài hạn	5.000.000	-	367.088.000	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ký quỹ, ký cược dài hạn	5.000.000	-	367.088.000	-
Cộng	21.899.441.471	-	12.353.194.993	-
<i>Trong đó số dư phải thu khách hàng là các bên liên quan là:</i>				
Công ty TNHH TV Hải Minh	-	-	2.868.182.115	-
Công ty TNHH DV Hàng Hải Hải Minh	1.329.321.900	-	1.329.321.900	-
Cộng	1.329.321.900	-	4.197.504.015	-

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	Phải thu ngắn hạn của khách hàng Công ty Cổ phần Hàng hải Hưng Phú	1.972.000.000	591.600.000	(1.380.400.000)	1.972.000.000	1.380.400.000
Cộng	1.972.000.000	591.600.000	(1.380.400.000)	1.972.000.000	1.380.400.000	(591.600.000)

6. Hàng tồn kho

	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	96.919.662	-	260.714.026	-
Cộng	96.919.662	-	260.714.026	-

7. Chi phí trả trước

	31/12/2018	31/12/2017
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	541.044.121	599.492.993
Chi phí sửa chữa	127.753.589	148.623.427
Chi phí kiểm định, phí bảo hiểm	338.007.900	362.364.897
Công cụ, dụng cụ	27.827.030	10.384.959
Chi phí khác	47.455.602	78.119.710
b) Chi phí trả trước dài hạn	857.660.302	1.070.951.214
Chi phí văn phòng	238.342.372	355.823.229
Chi phí sửa chữa	595.594.509	688.854.500
Chi phí khác	23.723.421	26.273.485
Cộng	1.398.704.423	1.670.444.207

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	14.505.410.057	-	35.025.632.194	172.415.073	4.053.128.273	53.756.585.597
Tăng trong năm/kỳ	-	182.000.000	2.377.977.634	-	-	2.559.977.634
<i>Mua sắm mới</i>	-	182.000.000	96.851.818	-	-	278.851.818
<i>Kết chuyển XDCB hoàn thành</i>	-	-	2.281.125.816	-	-	2.281.125.816
Giảm trong năm/kỳ	-	-	9.367.801.216	-	3.299.028.046	12.666.829.262
<i>Giảm thanh lý</i>	-	-	9.367.801.216	-	3.299.028.046	12.666.829.262
Số cuối năm/kỳ	14.505.410.057	182.000.000	28.035.808.612	172.415.073	754.100.227	43.649.733.969
Giá trị hao mòn lũy kế						-
Số đầu năm	730.892.734	-	11.869.370.001	172.415.073	2.854.459.030	15.627.136.838
Tăng trong năm/kỳ	337.335.108	9.166.665	3.182.129.457	-	765.061.686	4.293.692.916
<i>Khấu hao trong năm/kỳ</i>	337.335.108	9.166.665	3.182.129.457	-	765.061.686	4.293.692.916
Giảm trong năm/kỳ	-	-	6.650.941.497	-	3.299.028.046	9.949.969.543
<i>Giảm do thanh lý</i>	-	-	6.650.941.497	-	3.299.028.046	9.949.969.543
Số cuối năm/kỳ	1.068.227.842	9.166.665	8.400.557.961	172.415.073	320.492.670	9.970.860.211
Giá trị còn lại						-
Số đầu năm	13.774.517.323	-	23.156.262.193	-	1.198.669.243	38.129.448.759
Số cuối năm/kỳ	13.437.182.215	172.833.335	19.635.250.651	-	433.607.557	33.678.873.758
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng						-
Số đầu năm	-	-	528.690.000	172.415.073	23.272.728	701.105.073
Số cuối năm/kỳ	-	-	91.980.000	172.415.073	23.272.728	264.395.073

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá		
1/1/2018	601.291.237	601.291.237
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
31/12/2018	601.291.237	601.291.237
Giá trị hao mòn lũy kế		
1/1/2018	30.297.618	30.297.618
Tăng trong kỳ	13.983.516	13.983.516
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
31/12/2018	44.281.134	44.281.134
Giá trị còn lại		
1/1/2018	570.993.619	570.993.619
31/12/2018	557.010.103	557.010.103

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Công trình bộ trụ cầu cố định Phú Quốc	194.363.636	194.363.636
Mua sắm TSCĐ	445.454.556	731.116.363
Cộng	639.818.192	925.479.999

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

11. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2018			31/12/2017		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
(a) Đầu tư vào các công ty con	122.145.320.000	-	125.168.027.414	122.145.320.000	-	121.710.625.755
(b) Đầu tư vào các công ty liên kết	-	-	-	25.245.219.451	-	45.057.954.787
(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.784.016.819	-	8.349.750.000	2.900.016.819	-	8.250.000.000
Cộng	127.929.336.819	-	133.517.777.414	150.290.556.270	-	175.018.580.542

a) Đầu tư vào các Công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

Tên các công ty con	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	31/12/2018			31/12/2017				
			Tỷ lệ phần sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát (ia)	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa	96,08%	30.745.600.000	-	32.969.826.581	96,08%	30.745.600.000	-	32.422.687.193
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh (iia)	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa	100,00%	45.961.200.000	-	47.877.827.020	100,00%	45.961.200.000	-	47.061.286.535
Công ty TNHH DV Hàng hải Hải Minh (iiia)	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa	100,00%	41.580.000.000	-	44.320.373.813	100,00%	41.580.000.000	-	42.226.652.027
Cộng				118.286.800.000	-	125.168.027.414		118.286.800.000	-	121.710.625.755

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

(ia) Đầu tư vào Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát với giá trị vốn góp là 34.604.120.000 VND, chiếm tỷ lệ 96,08% vốn điều lệ của công ty này. Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát có trụ sở tại Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng hoạt động kinh doanh chính là dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa. Trong kỳ, Công ty đã ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính liên quan đến khoản lợi nhuận hoạt động sản xuất, kinh doanh từ Công ty này với số tiền là 1.324.842.126 VND (năm 2017: 1.351.724.429 VND).

(iia) Đầu tư vào Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh với giá trị vốn góp là 45.961.200.000 VND, chiếm tỷ lệ 100% vốn điều lệ của công ty này. Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh có trụ sở tại Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng hoạt động kinh doanh chính là dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa. Trong kỳ, Công ty đã ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính liên quan đến khoản lợi nhuận hoạt động sản xuất, kinh doanh từ Công ty này với số tiền là 1.098.086.535 VND (năm 2017: 3.668.182.115 VND).

(iiaa) Đầu tư vào Công ty TNHH DV Hàng hải Hải Minh với giá trị vốn góp là 41.580.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 100% vốn điều lệ của công ty này. Công ty TNHH DV Hàng hải Hải Minh có trụ sở tại Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng hoạt động kinh doanh chính là dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa.

b) Đầu tư vào các Công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

Tên các công ty liên kết	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	31/12/2018			31/12/2017				
			Tỷ lệ phần sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	60A Nguyễn Chí Thanh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội	Cung cấp dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa bằng đường biển	00,00%	-	-	-	25,00%	18.175.783.651	-	34.663.527.216
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ thông quan. Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa. Dịch vụ vận tải đường bộ	00,00%	-	-	-	49,00%	7.069.435.800	-	10.394.427.571
Cộng				-	-	-		25.245.219.451	-	45.057.954.787

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2018			31/12/2017		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (*)	5.784.016.819	-	8.349.750.000	2.900.016.819	-	8.250.000.000
Cộng	5.784.016.819	-	8.349.750.000	2.900.016.819	-	8.250.000.000

(*) Giá trị của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An tương ứng với 618.500 cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 412.500 cổ phiếu). Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn này là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày Báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	52.290.000	52.290.000	60.750.000	60.750.000
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân cảng Sài Gòn	1.036.099.479	1.036.099.479	1.509.426.209	1.509.426.209
Công ty TNHH Cảng Phước Long	156.683.350	156.683.350	91.628.300	91.628.300
Khách hàng khác	1.886.616.077	1.886.616.077	2.814.509.372	2.814.509.372
Cộng	3.131.688.906	3.131.688.906	4.476.313.881	4.476.313.881

Trong đó số dư phải trả người bán các bên liên quan là:

	31/12/2018	31/12/2017
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	52.290.000	60.750.000
Cộng	52.290.000	60.750.000

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	01/01/2018	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2018
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước	-	941.036.251	730.473.271	210.562.980
Thuế thu nhập doanh nghiệp	620.750.825	1.713.427.678	800.000.000	1.534.178.503
Thuế thu nhập cá nhân	243.226.186	1.482.160.326	1.719.718.062	5.668.450
Thuế nhà thầu	53.274.284	802.477.466	776.582.061	79.169.689
- Thuế TNDN	30.497.907	401.000.761	391.775.012	39.723.656
- Thuế GTGT	22.776.377	401.476.705	384.807.049	39.446.033
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	917.251.295	4.939.101.721	4.026.773.394	1.829.579.622

Trình bày số dư trên bảng cân đối kế toán:

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	917.251.295	1.829.579.622

14. Chi phí phải trả

	31/12/2018	31/12/2017
Chi phí kiểm toán	27.272.724	34.090.909
Chi phí dịch vụ khác	-	301.007.187
Cộng	27.272.724	335.098.096

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

15. Phải trả khác

	31/12/2018	31/12/2017
a) Phải trả ngắn hạn khác	595.266.876	907.592.226
Kinh phí công đoàn	100.000	9.869.430
Bảo hiểm xã hội	84.883.200	125.578.200
Bảo hiểm y tế	17.016.600	23.836.350
Bảo hiểm thất nghiệp	6.963.100	10.202.600
Cổ tức phải trả	21.004.495	13.923.195
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	465.299.481	724.182.451
+ Công ty TNHH DV Hàng Hải Hải Minh	58.500.000	49.500.000
+ Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	35.000.000	75.000.000
+ Công ty TNHH Tiếp Vận Nam Phát	40.000.000	98.000.000
+ Phải trả khác	331.799.481	501.682.451
b) Phải trả dài hạn khác	181.000.000	185.000.000
Ký quỹ, ký cược dài hạn	181.000.000	185.000.000
Cộng	776.266.876	1.092.592.226
Trong đó số dư phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan là:		
Công ty TNHH DV Hàng Hải Hải Minh	58.500.000	49.500.000
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	35.000.000	75.000.000
Công ty TNHH Tiếp Vận Nam Phát	40.000.000	98.000.000
Cộng	133.500.000	222.500.000

16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Chỉ tiêu	01/01/2018	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2018
Công ty CP Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh (HSC)	-	125.426.487.803	124.604.707.273	821.780.530
Cộng(*)	-	125.426.487.803	124.604.707.273	821.780.530

(*) Hợp đồng mở lưu ký chứng khoán tại Công ty Cổ phần Chứng Khoán thành phố Hồ Chí Minh

Thời hạn vay: Theo từng mã chứng khoán hỗ trợ

Lãi suất: Theo từng mã chứng khoán hỗ trợ

Mục đích vay: Mua bán chứng khoán

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu kỳ	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi trong năm/kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ phúc lợi	36.689.494	1.307.441.859	(1.237.683.500)	106.447.853
Quỹ khen thưởng ban quản lý, điều hành	392.177.908	1.098.172.756	(1.219.813.139)	270.537.525
Cộng	428.867.402	2.405.614.615	(2.457.496.639)	376.985.378

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
01/01/2017	131.998.470.000	5.893.984.271	6.614.442.869	-	101.737.146.831	246.244.043.971
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	20.700.683.588	20.700.683.588
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(13.199.847.000)	(13.199.847.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(2.844.705.821)	(2.844.705.821)
Giảm khác	-	-	-	-	(1.080.118.293)	(1.080.118.293)
31/12/2017	131.998.470.000	5.893.984.271	6.614.442.869	-	105.313.159.305	249.820.056.445
01/01/2018	131.998.470.000	5.893.984.271	6.614.442.869	-	105.313.159.305	249.820.056.445
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	28.001.248.462	28.001.248.462
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(3.809.548.070)	-	(3.809.548.070)
Tăng khác	-	-	-	-	54.748.145	54.748.145
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(26.108.294.000)	(26.108.294.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(2.405.614.615)	(2.405.614.615)
Giảm khác	-	-	-	-	(97.809.028)	(97.809.028)
31/12/2018	131.998.470.000	5.893.984.271	6.614.442.869	(3.809.548.070)	104.757.438.269	245.454.787.339

Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận năm 2017 với 10% bằng tiền mặt theo Nghị quyết số 06 - 2017/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 12 năm 2017.

Năm 2018 Công ty tạm chia chia cổ tức đợt 1 theo nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐQT ngày 7 tháng 8 năm 2018 với tỷ lệ 10% bằng tiền mặt (1000 VND/ một cổ phần).

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cổ phiếu

	<u>Tại 31/12/2018</u>	<u>Tại 31/12/2017</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.200.000	13.200.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	13.199.847	13.199.847
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.199.847</i>	<i>13.199.847</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>291.400</i>	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.908.447	13.199.847
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.908.447</i>	<i>13.199.847</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.		

19. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán riêng

Ngoại tệ các loại

	<u>Đơn vị tính</u>	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Đô la Mỹ	USD	129.051,34	22.584,52

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Dịch vụ vận tải	13.687.888.981	12.218.888.862
Dịch vụ khai thác kho bãi	11.077.319.760	15.679.292.441
Dịch vụ đại lý container	8.875.291.097	10.038.602.991
Dịch vụ cho thuê văn phòng	1.149.343.218	914.580.650
Doanh thu bán hàng hóa	-	118.181.818
Cộng	<u>34.789.843.056</u>	<u>38.969.546.762</u>

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn dịch vụ vận tải	14.802.071.086	13.984.509.731
Khai thác kho bãi	11.776.339.675	12.648.787.772
Đại lý container	5.118.521.128	4.865.796.803
Cho thuê văn phòng	561.528.993	568.294.631
Giá vốn bán hàng hóa	-	127.272.000
Cộng	<u>32.258.460.882</u>	<u>32.194.660.937</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Lãi đầu tư từ Công ty liên kết	19.005.873.520	10.144.106.166
Lãi đầu tư từ Công ty con	2.422.928.661	6.349.228.444
Lãi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	467.860.000	412.500.000
Lãi kinh doanh chứng khoán	6.796.925.398	2.202.487.643
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.525.833.553	1.102.187.587
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thanh toán	204.204.922	258.912.827
Lãi chuyển nhượng vốn	11.598.784.587	-
Cộng	<u>43.022.410.641</u>	<u>20.469.422.667</u>

4. Chi phí tài chính

Lỗ kinh doanh chứng khoán	11.914.660.538	1.448.744.414
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	131.117.586	59.198.067
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	22.771.257	11.623.218
Lãi vay margin chứng khoán	499.124.683	-
Cộng	<u>12.567.674.064</u>	<u>1.519.565.699</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	2.238.558.703	2.198.676.002
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	78.499.000	100.958.177
Chi phí đồ dùng văn phòng	58.316.762	51.047.448
Chi phí khấu hao	377.587.812	377.587.812
Thuế, phí và lệ phí	13.889.872	9.515.989
Chi phí dự phòng	788.800.000	591.600.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	886.012.992	908.087.145
Chi phí bằng tiền khác	293.567.553	267.334.294
Cộng	<u>4.735.232.694</u>	<u>4.504.806.867</u>

6. Lợi nhuận khác

Thanh lý tài sản cố định	1.235.271.603	77.398.426
Thu bồi thường	-	404.181.811
Thu khác	133.871.424	8.140.071
Thu nhập khác	<u>1.369.143.027</u>	<u>489.720.308</u>
	-	-
Nộp phạt thuế	28.813.983	48.208.321
Chi khác	46.886.700	-
Chi phí khác	<u>75.700.683</u>	<u>48.208.321</u>
	-	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	<u>1.293.442.344</u>	<u>441.511.987</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm 2018</u>	-	<u>Năm 2017</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	29.544.328.401		21.661.447.913
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán:	(21.828.928.707)		(16.857.626.289)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	579.373.474		48.208.321
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(22.408.302.181)		(16.905.834.610)
Tổng thu nhập chịu thuế	7.715.399.694		4.803.821.624
Thuế suất áp dụng	20%		20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự kiến phải nộp	1.543.079.939		960.764.325

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và công nợ phải trả trên Báo cáo tài chính riêng.

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu	4.234.235.749	3.542.954.163
Chi phí nhân viên	9.269.477.946	11.072.114.272
Chi phí khấu hao	4.307.676.432	4.780.083.849
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.843.491.785	16.181.404.599
Chi phí bằng tiền khác	1.338.811.664	1.122.910.921
Cộng	36.993.693.576	36.699.467.804

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong kỳ nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Lợi nhuận được chia chưa thu	-	4.197.504.015
Thanh lý tài sản trong năm chưa thu	760.000.000	254.545.456
Cổ tức phải trả	21.004.495	6.948.775
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	539.689.662	187.976.524

Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong kỳ nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

Lãi tiền gửi ngân hàng đã thu của năm trước	187.976.524	225.351.295
Lợi nhuận năm trước nhận trong năm nay	2.868.182.115	4.846.391.787
Cổ tức năm trước đã chi trả năm nay	-	6.599.923.500

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Công ty con
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Công ty con
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng Hải Hải Minh	Công ty con

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</i>		
Mua hàng hóa, dịch vụ	13.298.500	30.300.000
Chi phí dịch vụ đã sử dụng	-	29.981.818
Chi tiền thưởng, quỹ phúc lợi	195.900.000	60.335.000
Lợi nhuận được chia	<u>1.324.842.126</u>	<u>1.351.724.429</u>
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh</i>		
Cung cấp dịch vụ	145.560.000	-
Chi tiền thưởng, quỹ phúc lợi	342.800.000	-
Chi phí dịch vụ đã sử dụng	288.807.454	219.239.092
Lợi nhuận được chia	<u>1.098.086.535</u>	<u>3.668.182.115</u>
<i>Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh</i>		
Bán tài sản cố định	-	254.545.456
Chi tiền thưởng, quỹ phúc lợi	251.200.000	-
Lợi nhuận được chia	<u>-</u>	<u>1.329.321.900</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, công nợ với các bên liên quan như sau:		
	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</i>		
Phải trả khác	<u>40.000.000</u>	<u>98.000.000</u>
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh</i>		
Phải trả mua hàng hóa	52.290.000	60.750.000
Phải thu khác	-	2.868.182.115
Phải trả khác	<u>35.000.000</u>	<u>75.000.000</u>
<i>Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh</i>		
Phải thu cung cấp dịch vụ	37.800.000	280.000.000
Phải thu khác	1.329.321.900	1.329.321.900
Phải trả khác	<u>58.500.000</u>	<u>49.500.000</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong kỳ như sau:

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Tiền lương, thưởng	1.220.400.000	1.219.966.666
Cộng	<u>1.220.400.000</u>	<u>1.219.966.666</u>

2. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>31/12/2018</u>		<u>31/12/2017</u>	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.597.028.945	36.597.028.945	30.036.771.057	30.036.771.057
Chứng khoán kinh doanh	10.788.962.576	10.788.962.576	9.529.406.637	9.529.406.637
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.403.589.290	10.403.589.290	1.389.540.099	1.389.540.099
Phải thu của khách hàng	8.428.676.136	8.428.676.136	12.588.313.270	12.588.313.270
Phải thu khác	21.845.694.913	21.845.694.913	12.177.390.660	12.177.390.660
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.784.016.819	5.784.016.819	2.900.016.819	2.900.016.819
Cộng	<u>93.847.968.679</u>	<u>93.847.968.679</u>	<u>68.621.438.542</u>	<u>68.621.438.542</u>
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	3.131.688.906	3.131.688.906	4.476.313.881	4.476.313.881
Chi phí phải trả	27.272.724	27.272.724	335.098.096	335.098.096
Các khoản phải trả khác	667.303.976	667.303.976	923.105.646	923.105.646
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	821.780.530	821.780.530		
Cộng	<u>4.648.046.136</u>	<u>4.648.046.136</u>	<u>5.734.517.623</u>	<u>5.734.517.623</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định như trình bày tại Thuyết minh số V.10.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính riêng, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này cũng như đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa các rủi ro này có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về yếu tố của các công cụ tài chính trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến kết quả hoạt động kinh doanh là không đáng kể do tài sản (nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của hàng hóa sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Quản lý về rủi ro giá cổ phiếu

Các cổ phiếu mà Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư. Hội đồng quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư,...

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá cổ phiếu đến kết quả hoạt động kinh doanh riêng là không đáng kể do khoản đầu tư mua cổ phiếu có giá trị nhỏ.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng ...)

Phải thu khách hàng

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Ban Tổng Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
31/12/2018				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.597.028.945	-	-	36.597.028.945
Chứng khoán kinh doanh	10.788.962.576			10.788.962.576
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.403.589.290			10.403.589.290
Phải thu của khách hàng	8.428.676.136	-	-	8.428.676.136
Phải thu khác	21.840.694.913	5.000.000	-	21.845.694.913
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	5.784.016.819	-	5.784.016.819
Cộng	88.058.951.860	5.789.016.819	-	93.847.968.679
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	3.131.688.906	-	-	3.131.688.906
Chi phí phải trả	27.272.724	-	-	27.272.724
Phải trả khác	486.303.976	181.000.000	-	667.303.976
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	821.780.530	-	-	821.780.530
Cộng	4.467.046.136	181.000.000	-	4.648.046.136
Chênh lệch thanh khoản thuần	83.591.905.724	5.608.016.819	-	89.199.922.543
31/12/2017				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.036.771.057	-	-	30.036.771.057
Chứng khoán kinh doanh	9.529.406.637			9.529.406.637
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.389.540.099			1.389.540.099
Phải thu của khách hàng	12.588.313.270	-	-	12.588.313.270
Phải thu khác	11.810.302.660	367.088.000	-	12.177.390.660
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	2.900.016.819	-	2.900.016.819
Cộng	65.354.333.723	3.267.104.819	-	68.621.438.542
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	4.476.313.881	-	-	4.476.313.881
Chi phí phải trả	335.098.096			335.098.096
Phải trả khác	738.105.646	185.000.000	-	923.105.646
Cộng	5.549.517.623	185.000.000	-	5.734.517.623
Chênh lệch thanh khoản thuần	59.804.816.100	3.082.104.819	-	62.886.920.919

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2018 yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2019



NGUYỄN THẾ HƯNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Người lập biểu